

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 4706/2024/KDTM-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Phước
- Bà Nguyễn Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lam - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6656/2024/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 7623/2024/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lữ Trọng T; địa chỉ: I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 8015/2024/UQ-PGD ngày 01/8/2024)

2. Bị đơn: Công ty TNHH A; địa chỉ: B H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H - Chức danh: Giám đốc; địa chỉ: 2 M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: 2 M, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Lữ Trọng T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/7/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH A (sau đây viết tắt là Công ty A) ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/22430, hạn mức cho vay là 500.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: ống nước và các thiết bị đi kèm.

Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay tại Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/22430 theo Khế ước nhận nợ số: 150722-8247337-ONL-1 ngày 15/7/2022 (Mã hợp đồng LD2219600899), số tiền giải ngân là 500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 17,1%/tháng, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần theo mức điều chỉnh lãi suất quy định của V1 từng thời kỳ. Trả lãi vay vào ngày 10 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 10/8/2022; trả nợ gốc một lần vào ngày 15/01/2023; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày quá hạn: 10/01/2023.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Lê Thị L theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22430/BLCN ngày 12/7/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã nhận đủ tiền vay và đã thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 23/3/2023, với tổng số tiền là 54.479.863 đồng, trong đó: trả nợ gốc 18.001.928 đồng, trả tiền lãi 36.477.935 đồng. Kể từ ngày 24/3/2023, Công ty A không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 27/9/2024, Công ty A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 745.081.706 đồng, trong đó: nợ gốc 481.998.072 đồng, nợ lãi trong hạn 8.508.121 đồng, nợ lãi quá hạn 253.113.981 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.461.352 đồng.

Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty A phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 745.081.706 đồng, trong đó: nợ gốc 481.998.072 đồng, nợ lãi trong hạn 8.508.121 đồng, nợ lãi quá hạn 253.113.981 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 1.461.352 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp Công ty A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên thì bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty A theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn Công ty A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, đúng quy định của pháp luật. Việc cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xác định đúng người tham gia tố tụng. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật. Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa: Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng được xác lập giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty A có trụ sở tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công ty A và bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A và bà Lê Thị L.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4] Căn cứ Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/22430 ngày 12/7/2022 có đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và Công ty TNHH A đã thiết lập quan hệ tín dụng.

[5] Căn cứ Khế ước nhận nợ số: 150722-8247337-ONL-1 ngày 15/7/2022 thể hiện, Ngân hàng đã cho Công ty A vay số tiền 500.000.000 đồng như nội dung Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/22430 ngày 12/7/2022 đã ký kết.

[6] Công ty A thanh toán cho Ngân hàng đến ngày 23/3/2023, với tổng số tiền là 54.479.863 đồng, trong đó: trả nợ gốc 18.001.928 đồng, trả tiền lãi 36.477.935 đồng. Kể từ ngày 24/3/2023, Công ty A không tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[7] Căn cứ tiết b điểm 4.1 khoản 4 Điều 2 Hợp đồng cho vay hạn mức số: Q11/22430 ngày 12/7/2022, bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc, tiền lãi đúng thời hạn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ đến hạn, đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng.

[8] Căn cứ vào bảng tính lãi chi tiết nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ và những phân tích nêu trên, Ngân hàng yêu cầu Công ty A phải thanh toán tổng số tiền còn nợ là 745.081.706 đồng, trong đó: nợ gốc 481.998.072 đồng, nợ lãi trong hạn 8.508.121 đồng, nợ lãi quá hạn 253.113.981 đồng, nợ lãi chậm trả 1.461.352 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng là có cơ sở.

[9] Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22430/BLCN ngày 12/7/2022, giữa bên bảo lãnh là bà Lê Thị L, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Q và bên được bảo lãnh là Công ty TNHH A cho thấy, trường hợp Công ty A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng thì bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty A.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 745.081.706 đồng, trong đó: nợ gốc 481.998.072 đồng, nợ lãi trong hạn 8.508.121 đồng, nợ lãi quá hạn 253.113.981 đồng, nợ lãi chậm trả 1.461.352 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp Công ty TNHH A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng thì bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty TNHH A theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[11] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[12] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 33.803.268 đồng.

[13] Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 335, Điều 339, Điều 342 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Buộc Công ty TNHH A phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 745.081.706 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm triệu, không trăm tám mươi một ngàn, bảy trăm lẻ sáu đồng), trong đó: nợ gốc 481.998.072 đồng (bốn trăm tám mươi một triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, không trăm bảy mươi hai đồng), nợ lãi trong hạn 8.508.121 đồng (tám triệu, năm trăm lẻ tám ngàn, một trăm hai mươi một đồng), nợ lãi quá hạn 253.113.981 đồng (hai trăm năm mươi ba triệu, một trăm mười ba ngàn, chín trăm tám mươi một đồng), nợ lãi chậm trả 1.461.352 đồng (một triệu, bốn trăm sáu mươi một ngàn, ba trăm năm mươi hai đồng). Trường hợp Công ty TNHH A không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bà Lê Thị L phải có nghĩa vụ thanh toán thay cho Công ty TNHH A theo Hợp đồng bảo lãnh số: Q11/22430/BLCN ngày 12/7/2022.

Kể từ ngày 28/9/2024, Công ty TNHH A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH A phải chịu 33.803.268 đồng (ba mươi ba triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, hai trăm sáu mươi tám đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 14.318.698 (mười bốn triệu, ba trăm mười tám ngàn, sáu trăm chín mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2023/0001595 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mạnh Cường